

Số: **01** /2022/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **28** tháng **01** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 176/TTr-SKH-TH ngày 10 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **10** tháng **02** năm 2022 và thay thế Quyết định số 31/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy chế quản lý các hoạt động phi Chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *././*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: Ngoại giao, Tư pháp (b/c);
- Vụ Pháp chế - Bộ KH&ĐT;
- Cục KTVBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Liên hiệp các TCHN Việt Nam;
- Thường trực TU, Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh,
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Công báo;
- Lưu: VT, TH, TCTM. *././*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hưng



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài

dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

*(Kèm theo Quyết định số **04** /2022/QĐ-UBND ngày **28** tháng **01** năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục; trách nhiệm của cơ quan liên quan trong công tác quản lý hoạt động sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại.

Những nội dung không quy định tại Quy chế này thực hiện theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức nước ngoài dành cho Việt Nam và quy định pháp luật hiện hành

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức trên địa bàn tỉnh Quảng Trị thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Quy chế này.

2. Bên cung cấp viện trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Bên tiếp nhận viện trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 3. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ

1. Công tác quản lý viện trợ cần bảo đảm sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự quản lý, điều hành thống nhất của UBND tỉnh, sự phối hợp đồng bộ giữa các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã, đồng thời tranh thủ sự chỉ đạo, hỗ trợ, hướng dẫn của các cơ quan Trung ương.

2. Công tác vận động, quản lý viện trợ có tính chính trị, kinh tế và an ninh.

Khi xử lý các công việc liên quan đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài cần xem xét, cân nhắc cả ba mặt này, trong đó nhất thiết phải đảm bảo yêu cầu chính trị, quốc phòng, an ninh.

3. Trong quá trình hoạt động, cần chủ động đề ra các định hướng để tranh thủ nguồn viện trợ trong sự gắn kết với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và đối ngoại theo từng thời kỳ.

4. Việc quản lý và sử dụng viện trợ đảm bảo theo nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Chương II

VẬN ĐỘNG, ĐÀM PHÁN, KÝ KẾT KHOẢN VIỆN TRỢ

Điều 4. Vận động, đàm phán các khoản viện trợ

1. Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối về xúc tiến vận động viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức. Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị tỉnh và các cơ quan liên quan vận động, tìm kiếm, đàm phán các khoản viện trợ và mở rộng các mối quan hệ hợp tác hữu nghị giữa tỉnh Quảng Trị với các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2. Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình xúc tiến vận động viện trợ không hoàn lại của tỉnh kèm danh mục dự án ưu tiên kêu gọi viện trợ.

3. UBND tỉnh khuyến khích, giao các cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân chủ động vận động, đàm phán viện trợ trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Vận động viện trợ căn cứ theo danh mục các dự án ưu tiên vận động viện trợ được UBND tỉnh phê duyệt và phù hợp với năng lực của cơ quan dự kiến tiếp nhận viện trợ;

b) Đối với các dự án nằm ngoài danh mục ưu tiên, cơ quan vận động viện trợ báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Ngoại vụ các thông tin gồm: nhà tài trợ, mục đích, thời gian thực hiện, cơ cấu vốn, nội dung chủ yếu của chương trình, dự án dự kiến vận động, đàm phán...) trước khi thực hiện và chỉ được phép thực hiện sau khi có ý kiến đồng ý của UBND tỉnh;

c) Trong quá trình vận động, cần tranh thủ ý kiến của Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các đơn vị liên quan nhằm tránh chồng chéo trong đề xuất, phù hợp với định hướng sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Ký kết khoản viện trợ

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi đàm phán thành công khoản viện trợ, chủ khoản viện trợ xin ý kiến bằng văn bản của UBND tỉnh (thông qua

Sở Ngoại vụ) về nội dung thỏa thuận viện trợ trước khi ký kết. Việc ký kết thỏa thuận viện trợ chỉ được tiến hành khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của UBND tỉnh (đối với các khoản viện trợ hợp tác với tổ chức, cá nhân mới; lĩnh vực hoạt động nhạy cảm...) hoặc văn bản đồng ý của Sở Ngoại vụ.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi ký kết thỏa thuận viện trợ với cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài; các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh bằng văn bản, đồng thời gửi Sở Ngoại vụ 01 bản sao thỏa thuận để tổng hợp, theo dõi.

Chương III

THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT KHOẢN VIỆN TRỢ

Điều 6. Hồ sơ khoản viện trợ

1. Bên tiếp nhận viện trợ xây dựng nội dung văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật; chương trình, dự án đầu tư; phi dự án sử dụng vốn viện trợ trình thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Kết cấu văn kiện chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Hồ sơ khoản viện trợ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP được lập thành 6 bộ, các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt đã được công chứng kèm theo.

a) Hồ sơ chương trình, dự án gồm các tài liệu sau:

Văn bản đề nghị phê duyệt chương trình, dự án;

Văn bản nhất trí cung cấp viện trợ của Bên cung cấp viện trợ;

Văn kiện chương trình, dự án;

Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (không áp dụng với trường hợp Bên cung cấp viện trợ là các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, chính quyền địa phương nước ngoài).

Đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã đăng ký tại Việt Nam: Bản sao Giấy đăng ký do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp;

Đối với cá nhân cung cấp viện trợ: Bản sao có chứng thực hộ chiếu còn hiệu lực;

Đối với các bên cung cấp viện trợ khác: Bản sao có chứng thực giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức.

b) Hồ sơ phi dự án gồm các tài liệu sau:

Văn bản đề nghị phê duyệt phi dự án;

Văn bản nhất trí cung cấp viện trợ của Bên cung cấp viện trợ;

Văn kiện khoản viện trợ phi dự án do chủ khoản viện trợ phối hợp với bên cung cấp viện trợ xây dựng, bao gồm các nội dung chủ yếu: Mục đích, nội dung, danh mục hàng hóa (đối với khoản viện trợ bằng hàng hóa, hiện vật), kết quả dự kiến của khoản viện trợ; thời gian thực hiện; trị giá của khoản viện trợ phi dự án; phương thức tổ chức thực hiện và cơ chế phối hợp trong quá trình thực hiện; nghĩa vụ báo cáo kết quả sau khi tiếp nhận, sử dụng viện trợ;

Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (không áp dụng với trường hợp Bên cung cấp viện trợ là các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, chính quyền địa phương).

Đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã đăng ký tại Việt Nam: Bản sao Giấy đăng ký do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp;

Đối với cá nhân cung cấp viện trợ: Bản sao có chứng thực hộ chiếu còn hiệu lực;

Đối với các bên cung cấp viện trợ khác: Bản sao có chứng thực giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức.

Đối với các khoản viện trợ phi dự án thực hiện theo hình thức cung cấp chuyên gia, hồ sơ khoản viện trợ bao gồm: các tài liệu nêu tại các ý 1, 2, 3, 4, điểm b, khoản 2 này; sơ lược lý lịch chuyên gia có cam kết chịu trách nhiệm đối với thông tin cung cấp của chuyên gia; chương trình hoạt động; giấy phép lao động và các giấy tờ pháp lý về hoạt động chuyên môn của chuyên gia theo quy định của pháp luật có liên quan.

c) Hồ sơ khoản viện trợ phi dự án là hàng hóa, thiết bị, phương tiện vận tải đã qua sử dụng, thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ:

Ngoài các yêu cầu nêu tại điểm b, khoản 2 Điều này, cần có thêm chứng thư giám định chất lượng hàng hóa được cấp bởi tổ chức giám định hợp pháp và đủ năng lực được Việt Nam hoặc nước sở tại công nhận. Chứng thư giám định phải nêu kết luận về chất lượng của hàng hóa, thiết bị, phương tiện vận tải đạt yêu cầu của tiêu chuẩn Việt Nam hoặc đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn tương đương được Việt Nam chấp nhận.

Đối với khoản viện trợ phi dự án là các phương tiện vận tải đã qua sử dụng, cần có thêm các văn bản sau: bản dịch tiếng Việt đã được công chứng của bản đăng ký hoặc Giấy chứng nhận sở hữu phương tiện của Bên cung cấp viện trợ; bản dịch tiếng Việt đã được công chứng của giấy Chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền của nước Bên cung cấp viện trợ. Trong trường hợp có phương tiện tạm nhập tái xuất thì cần có Giấy Chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

d) Đối với dự án viện trợ có nội dung đầu tư công, đầu tư xây dựng phải được xây dựng theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công và đầu tư xây dựng công trình.

Điều 7. Thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ

1. Cơ quan chủ trì thẩm định

a) Đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Đối với khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tiếp nhận hồ sơ và chủ trì thẩm định.

2. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ thẩm định trên cơ sở các quy định tại Điều 6 của Quy chế này;

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ tới các Sở: Ngoại vụ, Tài chính, Công an tỉnh và các Sở, ban, ngành chức năng liên quan ở địa phương để lấy ý kiến góp ý bằng văn bản. Trường hợp nội dung khoản viện trợ vượt quá thẩm quyền quản lý của địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh gửi lấy ý kiến của các bộ, ngành có liên quan.

3. Thẩm định khoản viện trợ

Tùy thuộc vào quy mô, tính chất và nội dung của khoản viện trợ, cơ quan chủ trì thẩm định tổ chức thẩm định bằng hình thức tổng hợp ý kiến hoặc tổ chức hội nghị thẩm định. Ý kiến kết luận của cơ quan chủ trì thẩm định là cơ sở để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ.

Trong trường hợp khoản viện trợ không đủ điều kiện tiếp nhận, cơ quan chủ quản thông báo cho bên cung cấp viện trợ về quyết định không tiếp nhận viện trợ.

Đối với viện trợ khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, khi phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án, người đứng đầu cơ quan chủ quản không bắt buộc phải lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan.

4. Nội dung thẩm định

Tính phù hợp của mục tiêu chương trình, dự án, mục đích tiếp nhận phi dự án với mục tiêu phát triển cụ thể của địa phương, đơn vị thực hiện và thụ hưởng chương trình, dự án;

Tư cách pháp nhân của các bên cung cấp viện trợ và bên tiếp nhận viện trợ và tính hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam của các tổ chức, cá nhân có liên quan; sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của bên tiếp nhận viện trợ;

Khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của Chủ khoản viện trợ; khả năng đóng góp đối ứng của địa phương;

Các nội dung về cơ chế tài chính trong nước đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước; tính hợp lý trong cơ cấu ngân sách của chương trình, dự án dành cho các hạng mục chủ yếu của chương trình, dự án;

Những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác của các bên tham gia;

Hiệu quả, tác động về kinh tế - xã hội, an ninh, trật tự xã hội, khả năng vận dụng kết quả chương trình, dự án vào thực tiễn và tính bền vững của chương trình, dự án sau khi kết thúc; hiệu quả sử dụng khoản viện trợ phi dự án.

5. Thời gian thẩm định không quá 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

a) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; tùy theo tính chất và quy mô chương trình, dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi văn bản (kèm theo hồ sơ) tới các cơ quan, tổ chức có liên quan lấy ý kiến tham gia thẩm định chương trình, dự án;

b) Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến tham gia thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư; các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ và có ý kiến trả lời bằng văn bản, quá thời hạn trên mà không có trả lời được xem là đồng ý với nội dung khoản viện trợ;

c) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia thẩm định của các cơ quan, tổ chức có liên quan; Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt khoản viện trợ. Trường hợp không áp dụng hình thức tổng hợp ý kiến bằng văn bản, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ và các đơn vị liên quan tổ chức Hội nghị thẩm định và gửi báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt. Trường hợp khoản viện trợ chưa đủ điều kiện phê duyệt, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh bằng văn bản đồng thời đề nghị chủ khoản viện trợ hoàn thiện hồ sơ trong đó nêu rõ những vấn đề cần bổ sung, điều chỉnh hoặc giải trình. Thời gian hoàn thiện lại hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định theo quy định;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ cùng văn bản thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt khoản viện trợ.

Trong trường hợp khoản viện trợ không đủ điều kiện tiếp nhận, cơ quan chủ quản thông báo cho bên cung cấp viện trợ về quyết định không tiếp nhận viện trợ.

6. Phê duyệt khoản viện trợ:

Người đứng đầu cơ quan chủ quản phê duyệt khoản viện trợ trên cơ sở báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Nội dung quyết định phê duyệt theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

7. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành quyết định phê duyệt khoản viện trợ; cơ quan chủ quản thông báo cho Bên cung cấp viện trợ về quyết định phê duyệt khoản viện trợ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan Quyết định phê duyệt của cơ quan chủ quản để giám sát và phối hợp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Chương IV

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIỆN TRỢ

Điều 8. Quản lý thực hiện viện trợ

1. Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện chương trình, dự án, năng lực tổ chức quản lý chương trình, dự án, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định áp dụng một trong các hình thức tổ chức quản lý chương trình, dự án theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc có đủ điều kiện, năng lực quản lý và thực hiện dự án đối với dự án quy mô dưới 200.000 USD (hai trăm nghìn đô la Mỹ);

b) Sử dụng Ban quản lý đang hoạt động để quản lý chương trình, dự án mới;

c) Thành lập Ban quản lý riêng cho từng chương trình, dự án.

2. Chủ khoản viện trợ phải được xác định trong quyết định phê duyệt tiếp nhận viện trợ của cơ quan chủ quản. Chủ khoản viện trợ tổ chức bộ máy quản lý chương trình, dự án và thực hiện quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn viện trợ theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Ban quản lý dự án đại diện cho chủ khoản viện trợ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

5. Đối với dự án có cấu phần xây dựng: Thực hiện thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán, cấp giấy phép xây dựng, quản lý chất lượng công trình, bàn giao, bảo hành, bảo hiểm công trình xây dựng, thanh toán, quyết toán các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn viện trợ được thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

6. Đối với các khoản viện trợ do các bộ, cơ quan, tổ chức thuộc chính phủ nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao của các nước tại Việt Nam thực hiện trên địa bàn tỉnh (các khoản viện trợ không do UBND tỉnh trực tiếp phê duyệt văn kiện), chủ khoản viện trợ có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

7. Sau khi kết thúc dự án, chủ khoản viện trợ tổ chức đánh giá, tiến hành các thủ tục nghiệm thu, bàn giao kết quả đạt được cho đối tượng thụ hưởng để khai thác sử dụng và gửi báo cáo kết thúc dự án đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, cơ quan chủ quản (UBND tỉnh) đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ để theo dõi, tổng hợp.

Điều 9. Quản lý tài chính viện trợ

1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Mở tài khoản cho chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ:

Chủ khoản viện trợ thực hiện mở tài khoản cho chương trình, dự án theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền:

a) Đối với vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Chủ khoản viện trợ thực hiện kiểm soát chi tại Kho bạc Nhà nước theo quy định về quản lý ngân sách nhà nước; trình tự, thủ tục kiểm soát chi, hạch toán, ghi thu ghi chi thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và theo quy định từ khoản 1 đến khoản 8, Điều 23 Nghị định 80/2020/NĐ-CP;

b) Đối với vốn viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Việc hạch toán, kế toán, quyết toán đối với khoản viện trợ thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán và điều lệ tổ chức hoạt động của Bên tiếp nhận viện trợ theo quy định tại khoản 9, Điều 23 Nghị định 80/2020/NĐ-CP.

5. Quản lý vốn đối ứng

a) Các chương trình, dự án được bố trí vốn đối ứng theo nhu cầu hoặc cam kết với Bên cung cấp viện trợ: Bên tiếp nhận viện trợ đề xuất cụ thể nhu cầu vốn đối ứng trong văn kiện chương trình, dự án trình thẩm định, phê duyệt. Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chương trình, dự án trong đó quyết định về mức vốn đối ứng bố trí cho chương trình, dự án (tiền mặt, hiện vật...).

Đối với các khoản viện trợ do cơ quan trung ương phê duyệt triển khai trên địa bàn tỉnh: UBND tỉnh sẽ xem xét, bố trí vốn đối ứng cho các chương trình, dự án theo văn bản thỏa thuận giữa UBND tỉnh với cơ quan chủ quản phê duyệt khoản viện trợ;

b) Nguồn vốn đối ứng: Vốn đối ứng bằng hiện vật hoặc tiền mặt từ ngân sách nhà nước (ngân sách tỉnh, huyện, xã) và các nguồn vốn hợp pháp khác.

6. Vốn chuẩn bị khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, cụ thể:

a) Đối với khoản viện trợ mà Bên tiếp nhận là cơ quan, đơn vị được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoặc một phần kinh phí hoạt động: Bên tiếp nhận viện trợ lập kế hoạch vốn chuẩn bị vận động khoản viện trợ gửi Sở Tài chính thẩm định báo cáo UBND tỉnh để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

b) Đối với các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương): Chủ khoản viện trợ tự cân đối và bố trí vốn chuẩn bị khoản viện trợ;

c) Trường hợp Bên cung cấp viện trợ cung cấp hỗ trợ tài chính để chuẩn bị chương trình, dự án: Chủ khoản viện trợ đưa nguồn vốn chuẩn bị vào tổng vốn chung của khoản viện trợ.

7. Tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa và dịch vụ, thuế, kiểm toán các khoản viện trợ được thực hiện theo quy định tại Điều 24, Điều 25 và Điều 26 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 10. Chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ

1. Chế độ báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình giải ngân, quản lý, sử dụng viện trợ

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp tình hình giải ngân, sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh theo định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 của năm kế tiếp hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu;

b) Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện), các chủ khoản viện trợ báo cáo tình hình giải ngân, quản lý, sử dụng viện trợ theo định kỳ hàng năm (trước ngày 30/12 của năm báo cáo) và khi có yêu cầu đột xuất.

2. Chế độ báo cáo về kết quả vận động các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền quản lý

a) Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp kết quả vận động viện trợ trên địa bàn tỉnh theo định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các cơ quan liên quan chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 của năm kế tiếp hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu;

b) Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, các chủ khoản viện trợ báo cáo kết quả vận động viện trợ theo định kỳ hàng năm (trước ngày 30/12 của năm báo cáo) và khi có yêu cầu đột xuất.

3. Báo cáo kết thúc khoản viện trợ

Chủ khoản viện trợ gửi báo cáo kết thúc khoản viện trợ trong vòng 06 tháng sau khi kết thúc khoản viện trợ đến các cơ quan có liên quan theo quy định tại khoản 7, Điều 8 của Quy chế này.

4. Kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư của tỉnh; thực hiện giám sát, đánh giá tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ theo quy định tại Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ giám sát và đánh giá đầu tư, Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn thực hiện;

b) Sở Tài chính tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương và viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách địa phương;

c) Công an tỉnh chủ trì giám sát thực hiện hoạt động viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh theo chức năng quản lý nhà nước. Tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ hàng năm để chủ động phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với các hoạt động xâm hại đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội của các tổ chức, cá nhân trong quá trình quản lý và sử dụng các khoản viện trợ. Tiến hành xử lý theo thẩm quyền các dấu hiệu, hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân trong quá trình vận động, tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ;

d) Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra giám sát đánh giá tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ theo quy định. Việc xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá hàng năm đảm bảo không chồng chéo; đề xuất với UBND tỉnh xem xét, xử lý những vấn đề liên quan theo thẩm quyền (nếu có). Tiến hành xử lý theo thẩm quyền các dấu hiệu, hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân trong quá trình vận động, tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước đối với công tác quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức liên quan

1. Văn phòng UBND tỉnh

a) Phối hợp với các ngành liên quan giúp UBND tỉnh kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này;

b) Phối hợp thẩm định, đề xuất, kiến nghị về cơ chế, chính sách đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Sở Ngoại vụ

Là cơ quan đầu mối về xúc tiến, vận động viện trợ và quản lý hoạt động phi chính phủ nước ngoài, ngoài các nhiệm vụ đã nêu tại các Chương II, III, IV của Quy chế này, có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Công tác về các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài và các cơ quan liên quan thẩm định tư cách pháp nhân, năng lực của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đến thực hiện chương trình, dự án tại địa phương;

b) Chủ trì thẩm định, tham mưu UBND tỉnh đề nghị Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và cấp có thẩm quyền xem xét cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi Giấy đăng ký hoạt động, Giấy đăng ký lập Văn phòng dự án, Giấy đăng ký lập Văn phòng đại diện cho các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài có nhu cầu hoạt động tại Quảng Trị. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng định kỳ kiểm tra hoạt động của các văn phòng dự án tại địa phương;

c) Chủ trì hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan liên quan hỗ trợ Bên cung cấp viện trợ thực hiện các hoạt động khảo sát, điều tra lập dự án và thiết lập quan hệ đối tác tại địa phương (nếu có) theo đề nghị của Bên tiếp nhận viện trợ hoặc ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh;

d) Chủ trì, phối hợp và hướng dẫn Bên tiếp nhận viện trợ trong đàm phán, ký kết các khoản viện trợ theo quy định hiện hành của pháp luật. Hỗ trợ các thủ tục hành chính trong quá trình triển khai các các khoản viện trợ tại địa phương;

đ) Chủ trì báo cáo tình hình quản lý hoạt động và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài theo quy định tại khoản 2, Điều 10 của Quy chế này;

e) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định hồ sơ các khoản viện trợ khi có yêu cầu. Phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan chức năng hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài về các vấn đề liên quan đến thủ tục xuất nhập cảnh, cư trú và giải quyết các vấn đề liên quan theo quy định của pháp luật và các điều ước quốc tế;

g) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác tuyển chọn, sử dụng, quản lý và thực hiện các chính sách đối với người lao động Việt Nam làm việc cho các tổ chức nước ngoài, các chương trình, dự án do các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài viện trợ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Là cơ quan đầu mối về quản lý và sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh, ngoài các nhiệm vụ đã nêu tại Chương III, IV của Quy chế này, có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan hướng dẫn Bên tiếp nhận viện trợ lập hồ sơ viện trợ; thẩm định văn kiện chương trình, dự án, khoản viện trợ phi dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh. Tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ;

b) Chủ trì, thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư. Phối hợp với Sở Tài chính bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh cho các chương trình, dự án theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành các cơ chế chính sách, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh;

d) Chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị giao ban hàng năm về vận động, quản lý và sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh;

đ) Chủ trì báo cáo kết quả thực hiện và tình hình giải ngân; công tác quản lý, sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 10 của Quy chế này;

e) Phối hợp với Sở Ngoại vụ tham mưu UBND tỉnh đề nghị cấp có thẩm quyền cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi Giấy đăng ký hoạt động, Giấy đăng ký lập Văn phòng dự án, Giấy đăng ký lập Văn phòng đại diện cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài khi có yêu cầu.

4. Sở Tài chính

Là cơ quan tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án viện trợ trên địa bàn tỉnh, ngoài các nhiệm vụ đã nêu tại Chương IV của Quy chế này, có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ;

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ khoản viện trợ; khả năng đóng góp vốn đối ứng (nguồn vốn chi thường xuyên); các nội dung về cơ chế tài chính trong nước đối với khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;

c) Thực hiện quản lý thu, chi ngân sách nhà nước đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quản lý tài chính quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương và viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách địa phương,

đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm chế độ tài chính trong quản lý và sử dụng nguồn viện trợ trên địa bàn tỉnh.

5. Công an tỉnh

Là đơn vị tham mưu cho UBND tỉnh quản lý nhà nước về an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh, ngoài các nhiệm vụ đã nêu tại Chương III, IV của Quy chế này, có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh trong quá trình tiếp nhận, thực hiện các hoạt động viện trợ không hoàn lại trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì phối hợp với Sở Ngoại vụ và các cơ quan chức năng xử lý các vụ việc, hiện tượng, phương tiện, tài sản liên quan đến cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài và có yếu tố nước ngoài xảy ra trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành về an ninh trật tự đối với các hoạt động viện trợ và tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan tới việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ;

c) Chủ trì thực hiện các thủ tục cấp, gia hạn đăng ký phương tiện giao thông thuộc các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài viện trợ hoạt động trên địa bàn tỉnh;

d) Chủ trì hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, tổ chức trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội;

đ) Phối hợp với Sở Ngoại vụ tham mưu UBND tỉnh đề nghị cấp có thẩm quyền cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi Giấy phép hoạt động, Giấy đăng ký lập Văn phòng dự án, Giấy đăng ký lập Văn phòng đại diện cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài khi có yêu cầu;

e) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định hồ sơ khoản viện trợ theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đánh giá hiệu quả, tác động về an ninh, trật tự xã hội sau khi kết thúc thực hiện.

6. Sở Nội vụ

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định hồ sơ khoản viện trợ đối với các nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Nội vụ; thẩm định sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Bên tiếp nhận viện trợ và khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của chủ khoản viện trợ đối với trường hợp Bên tiếp nhận viện trợ là các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện theo thẩm quyền quản lý nhà nước của Sở Nội vụ;

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức Việt Nam chấp hành thực hiện đường lối, chính sách tôn giáo của nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

7. Sở Xây dựng

- a) Chủ trì hướng dẫn chủ khoản viện trợ thực hiện thủ tục về đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;
- b) Tham gia thẩm định hồ sơ viện trợ đối với dự án có cấu phần xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

8. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

- a) Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh trong tiếp nhận, sử dụng các khoản viện trợ thực hiện đúng các quy định về bảo vệ an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh;
- b) Chủ trì hướng dẫn, tổ chức công tác rà phá bom mìn và thẩm định địa bàn rà phá bom mìn có yếu tố nước ngoài theo Nghị định số 18/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về quản lý và thực hiện hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh;
- c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thẩm định hồ sơ các khoản viện trợ khi có yêu cầu. Phối hợp với Sở Ngoại vụ, các cơ quan liên quan tham gia công tác tuyển chọn, thẩm định năng lực của các đơn vị, cá nhân tham gia rà phá bom mìn.

9. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh: Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thẩm định hồ sơ các khoản viện trợ liên quan đến quản lý hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn khu vực biên giới đất liền, biển, đảo khi có yêu cầu.

10. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Quảng Trị

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định hồ sơ để tiếp nhận các khoản viện trợ nước ngoài liên quan đến chương trình, dự án tài chính vi mô hoặc có hợp phần tài chính vi mô thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định tại Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

11. Kho bạc nhà nước tỉnh

Chủ trì hướng dẫn, kiểm soát chi vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định tại Chương III, IV Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

12. Các Sở, ban, ngành và cơ quan liên quan

- a) Tham gia thẩm định hồ sơ viện trợ: Theo đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư, cho ý kiến thẩm định tính phù hợp của mục tiêu chương trình, dự án, phi dự án với mục tiêu phát triển của ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý. Những cam kết, điều kiện của các bên tham gia sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Bên tiếp nhận viện trợ và khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của chủ khoản viện trợ. Khả năng duy trì tính bền vững của chương trình, dự án sau khi kết thúc;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tiếp nhận, sử dụng viện trợ đúng quy định;

c) Tích cực vận động, tìm kiếm đối tác viện trợ trên cơ sở nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội cụ thể, kế hoạch thu hút và sử dụng nguồn vốn viện trợ từng năm, từng thời kỳ.

13. UBND cấp huyện

a) Tham gia thẩm định hồ sơ viện trợ: Theo đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư, cho ý kiến thẩm định tính phù hợp của mục tiêu chương trình, dự án, phi dự án với mục tiêu phát triển của ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý. Những cam kết, điều kiện của các bên tham gia sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Bên tiếp nhận viện trợ và khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của chủ khoản viện trợ. Khả năng duy trì tính bền vững của chương trình, dự án sau khi kết thúc;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đơn vị trực thuộc tiếp nhận, sử dụng viện trợ theo quy định. Phối hợp với Sở Ngoại vụ tạo điều kiện cho Bên cung cấp viện trợ, Bên tiếp nhận viện trợ khảo sát, lập chương trình, dự án viện trợ triển khai trên địa bàn;

c) Chuẩn bị mặt bằng sạch, cân đối vốn đối ứng bằng hiện vật hoặc tiền mặt từ ngân sách được phân cấp để bố trí thực hiện các khoản viện trợ do UBND cấp huyện và các cơ quan trực thuộc thẩm quyền quản lý làm chủ khoản viện trợ;

d) Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện làm đầu mối trong quản lý, sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn huyện. Theo dõi, giám sát tham mưu UBND cấp huyện báo cáo tình hình tiếp nhận các khoản viện trợ trên địa bàn.

14. Bên tiếp nhận viện trợ

a) Chủ trì vận động, đàm phán, ký kết các khoản viện trợ khi được UBND tỉnh thống nhất chủ trương. Lập hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện các khoản viện trợ. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan;

b) Phối hợp với Sở Ngoại vụ trong vận động, đàm phán, ký kết khoản viện trợ khi có yêu cầu. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thẩm định văn kiện trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

c) Tổ chức bộ máy thực hiện, chủ động cân đối nguồn lực (hiện vật, tiền mặt...) để bố trí vốn đối ứng thực hiện các khoản viện trợ theo cam kết với Bên cung cấp viện trợ;

d) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về chất lượng, hiệu quả và tiến độ thực hiện các chương trình, dự án viện trợ phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 13. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc vận động, tiếp nhận, sử dụng và quản lý viện trợ được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Mọi hành vi vi phạm trong vận động, đàm phán, quản lý và sử dụng các khoản viện trợ tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Các Sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh; UBND cấp huyện; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế; các cơ quan, tổ chức báo cáo bằng văn bản gửi UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp) xem xét, điều chỉnh, bổ sung phù hợp./.